

Số: 27 /GPMT-STNMT

Bình Dương, ngày 15 tháng 3 năm 2024

## GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

### SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 11/2022/QĐ-UBND ngày 18 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Quyết định số 975/QĐ-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản và cấp giấy phép môi trường đối với các dự án thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Ban Quản lý dự án chuyên ngành nước thải tỉnh Bình Dương số 15 ngày 3 tháng... năm 2024 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường tại Tờ trình số 608/TTr-CCBVMT ngày 15 tháng 3 năm 2024.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Cấp phép cho Ban Quản lý dự án chuyên ngành nước thải tỉnh Bình Dương, địa chỉ trụ sở chính tại số 07 Ngô Văn Trị, phường Phú Lợi, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Nhà máy xử lý nước thải Thủ Dầu Một, công suất 35.000m<sup>3</sup>/ngày.đêm thuộc dự án Thoát nước và xử lý nước thải cụm đô thị Nam Bình Dương tại số 138 Lý Tự Trọng, khu phố 6, phường Phú Thọ, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương với các nội dung như sau:

#### 1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên dự án đầu tư: Nhà máy xử lý nước thải Thủ Dầu Một, công suất 35.000m<sup>3</sup>/ngày.đêm thuộc dự án Thoát nước và xử lý nước thải cụm đô thị Nam Bình Dương.

1.2. Địa điểm hoạt động: số 138 Lý Tự Trọng, khu phố 6, phường Phú Thọ, thành



phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

1.3. Quyết định số 340/QĐ-UBND ngày 13 tháng 02 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh hợp nhất các Ban quản lý dự án thuộc lĩnh vực thoát nước và xử lý nước thải.

1.4. Mã số thuế: 3702785594.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Lĩnh vực thoát nước và xử lý nước thải.

1.6. Quyết định phê duyệt dự án đầu tư:

- Quyết định số 1130/QĐ-UBND ngày 01 tháng 3 năm 2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt dự án đầu tư: Thoát nước và xử lý nước thải cụm đô thị Nam Bình Dương, tỉnh Bình Dương (Cải thiện môi trường nước) – Tiểu dự án 1: “Khu vực thị xã (nay là thành phố) Thủ Dầu Một”;

- Quyết định số 2606/QĐ-UBND ngày 27 tháng 8 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình dự án Cải thiện môi trường nước Nam Bình Dương – dự án điều chỉnh;

- Quyết định số 3739/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt dự án đầu tư Cải thiện môi trường nước Nam Bình Dương – dự án điều chỉnh lần 2;

- Quyết định số 610/QĐ-UBND ngày 09 tháng 3 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Dự án: Cải thiện môi trường nước Nam Bình Dương – Giai đoạn II;

- Quyết định số 330/QĐ-UBND ngày 06 tháng 02 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh Quyết định số 610/QĐ-UBND ngày 09 tháng 3 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Dự án: Cải thiện môi trường nước Nam Bình Dương – Giai đoạn II.

1.7. Quyết định số 5189/QĐ-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt cho khu vực thị xã (nay là thành phố) Thủ Dầu Một (Tiểu dự án 1).

1.8. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

1.8.1. Phạm vi: Tổng diện tích dự án là 109.820,2m<sup>2</sup>.

1.8.2. Quy mô:

- Dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Dự án nhóm B theo tiêu chí quy định pháp luật về đầu tư công.

1.8.3. Công suất công trình xử lý nước thải: 35.000 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

## **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:**

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.



2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban Quản lý dự án chuyên ngành nước thải tỉnh Bình Dương:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Ban Quản lý dự án chuyên ngành nước thải tỉnh Bình Dương có trách nhiệm:

2.1. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.2. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.3. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.4. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến Sở Tài nguyên và Môi trường.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: **10 năm** (từ ngày 15 tháng 3 năm 2024 đến ngày 15 tháng 3 năm 2034).

**Điều 4.** Giao Chi cục Bảo vệ môi trường, Thanh tra Sở tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Nhà máy xử lý nước thải Thủ Dầu Một tại số 138 Lý Tự Trọng, khu phố 6, phường Phú Thọ, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương của Ban Quản lý dự án chuyên ngành nước thải tỉnh Bình Dương theo quy định của pháp luật. /.

**Nơi nhận:**

- BQL dự án chuyên ngành nước thải tỉnh;
- UBND thành phố Thủ Dầu Một;
- UBND phường Phú Thọ;
- Cổng Thông tin điện tử Sở TNMT;
- Lưu: VT, CCBVMT, H.Giang5.



**Ngô Quang Sự**



**Phụ lục 1****NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 27.../GPMT-STNMT ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:****1. Nguồn phát sinh nước thải:**

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ các hộ dân thuộc đô thị Thủ Dầu Một và một phần thành phố Thuận An với lưu lượng khoảng 34.949,4 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.
- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân tại nhà máy với lưu lượng khoảng 18m<sup>3</sup>/ngày.đêm.
- Nguồn số 03: Nước thải phòng thí nghiệm với lưu lượng khoảng 02 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.
- Nguồn số 04: Nước thải từ việc pha hóa chất, vệ sinh thiết bị vận hành công trình xử lý nước thải với lưu lượng khoảng 30 m<sup>3</sup>/ngày.đêm
- Nguồn số 05: Nước thải từ công trình xử lý khí thải với lưu lượng khoảng 0,6 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

**2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải**

**2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải:** Sông Sài Gòn, phường Phú Thọ, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

**2.2. Vị trí xả nước thải:**

- 01 điểm trên Sông Sài Gòn tại tọa độ: X(m) = 1210817; Y(m) = 598608 (theo hệ tọa độ VN 2.000, kinh tuyến trục 105<sup>0</sup>45', múi chiều 3<sup>0</sup>).

- Điểm xả nước thải sau xử lý có biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải theo quy định tại điểm đ Khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

**2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất:** 35.000 m<sup>3</sup>/ngày.đêm (24 giờ).

**2.3.1. Phương thức xả nước thải:**

- Nước thải sau xử lý thải ra Sông Sài Gòn bằng đường ống bê tông cốt thép, đường kính 1200mm, dài 5,7m.

- Hình thức xả: tự chảy, xả ven bờ.

**2.3.2. Chế độ xả nước thải:** Liên tục (24 giờ).

**2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt - QCVN 14:2008/BTNMT (cột A, hệ số K = 1,0), Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp – QCVN 40:2011/BTNMT (cột A, Kq = 0,9; Kf = 0,9) cụ thể như sau:**

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5-9	Quan trắc định kỳ 03 tháng/lần theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP	Thực hiện quan trắc tự động, liên tục
2	Nhiệt độ	°C	40		
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	50		
4	COD	mg/L	60,75		
5	Amoni (tính theo N)	mg/L	5		
6	BOD <sub>5</sub> (20°C)	mg/L	30		Không thuộc đối tượng
7	Sunfua (H <sub>2</sub> S)	mg/L	1		
8	Tổng chất rắn hòa tan	mg/L	500		
9	Nitrat (NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> ) (tính theo N)	mg/L	30		
10	Dầu mỡ động, thực vật	mg/L	10		
11	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/L	5		
12	Photphat (PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> ) (tính theo P)	mg/L	6		
13	Tổng Coliforms	MPN/100mL	3.000		

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

**1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:**

**1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về công trình xử lý nước thải:**

Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ các hệ thống thu gom nước thải đô thị chảy về Nhà máy theo cống HDPE đường kính D1200mm, chiều dài 320m về công trình xử lý nước thải.

Nguồn số 02 và 03: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân tại Nhà máy và nước thải từ phòng thí nghiệm được thu gom bằng cống PVC, đường kính D200mm, chiều dài 100m để dẫn ra cống thu gom chung nước thải từ nguồn số 01 về công trình xử lý nước thải.



Nguồn số 04: Nước thải từ việc pha hóa chất, vệ sinh thiết bị vận hành công trình xử lý nước thải được thu gom bằng cống uPVC đường kính D315mm, chiều dài 13,2m, sau đó được dẫn về công trình xử lý nước thải bằng cống uPVC đường kính D315mm, chiều dài 71,2m.

Nguồn số 05: Nước thải từ công trình xử lý khí thải được thu gom bằng cống uPVC có đường kính D315mm, chiều dài 3m, sau đó được dẫn về công trình xử lý nước thải cùng với nguồn thải số 04 bằng cống uPVC đường kính D315mm, chiều dài 71,2m.

### **1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:**

Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải => Bể lắng cát sơ bộ => Bể tiếp nhận/Song chắn rác thô => Nhà đầu vào/Song chắn rác tinh => Nhà đầu vào/Bể lắng cát thổi khí => Bể phản ứng theo mẻ cải tiến ASBR (gồm 02 đơn nguyên) => Bể khử trùng UV => Hồ quan trắc => Hồ hoàn thiện => Mương hở nội bộ => Thải ra môi trường (sông Sài Gòn).

- Công suất thiết kế: 35.000 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.
- Chế độ vận hành: liên tục 24 giờ/ngày.
- Hóa chất sử dụng: Polyme, mật rỉ đường, cùn, chế phẩm vi sinh, phèn nhôm.

### **1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:**

- Số lượng: 01 trạm.
- Vị trí lắp đặt: Tại mương quan trắc, sau công trình xử lý nước thải sau xử lý, trước khi xả vào hồ hoàn thiện.
- Thông số đã lắp đặt: 04 thông số (pH, COD, TSS và lưu lượng nước thải đầu ra).
- Thiết bị lấy mẫu tự động: tủ lấy mẫu tự động.
- Camera theo dõi: 01 camera xoay quan sát các hạng mục công trình xử lý nước thải, 01 camera thân tại hồ quan trắc trước khi xả thải ra môi trường.
- Kết nối, truyền số liệu: Dữ liệu được truyền về Sở Tài nguyên và Môi trường để theo dõi, giám sát (Đã được xác nhận kết nối dữ liệu hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục tại Công văn số 5166/STNMT-CCBVMT ngày 23 tháng 11 năm 2023).

### **1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:**

#### **1.4.1. Công trình ứng phó sự cố:**

01 hồ sự cố có thể tích 7.000 m<sup>3</sup> để lưu chứa nước thải nếu có sự cố xảy ra.

#### **1.4.2. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố:**

- Trong quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải, nếu nước thải sau xử lý không đáp ứng quy chuẩn cho phép xả thải thì Ban quản lý chuyên ngành nước thải tỉnh Bình Dương phải có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, cụ thể như sau:

+ Rà soát các công trình, thiết bị xử lý nước thải, quy trình vận hành công trình xử lý nước thải để xác định nguyên nhân gây ô nhiễm và đưa ra giải pháp khắc phục; cải tạo, nâng



cấp, xây dựng bổ sung (nếu có) các công trình xử lý nước thải để đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định;

+ Trường hợp gây ra sự cố môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường, chủ dự án đầu tư phải dừng ngay hoạt động vận hành thử nghiệm và báo cáo kịp thời tới cơ quan cấp giấy phép môi trường để được hướng dẫn giải quyết; chịu trách nhiệm khắc phục sự cố môi trường, bồi thường thiệt hại và bị xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật;

+ Lập kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý nước thải hoặc từng hạng mục công trình xử lý nước thải không đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường về nước thải để vận hành lại. Trình tự, thủ tục, thời gian vận hành thử nghiệm lại công trình xử lý nước thải được thực hiện như vận hành thử nghiệm lần đầu.

- Đối với sự cố hư hỏng về điện hoặc do thiết bị, máy móc của công trình xử lý nước thải bị hư: Vận hành và bảo trì các máy móc thiết bị trong hệ thống thường xuyên theo đúng hướng dẫn kỹ thuật nhà cung cấp; lập hồ sơ giám sát kỹ thuật các công trình đơn vị để theo dõi sự ổn định của công trình, đồng thời tạo cơ sở để phát hiện sự cố một cách sớm nhất, nhằm sửa chữa kịp thời trong trường hợp xảy ra sự cố, tránh ảnh hưởng đến việc vận hành của công trình. Đối với các thiết bị, máy móc vận hành của công trình xử lý nước thải, Chủ đầu tư trang bị máy móc, thiết bị dự phòng để kịp thời thay thế khi có sự cố hư hỏng thiết bị.

- Đối với sự cố do thao tác vận hành xử lý không đúng cách: Điều chỉnh lượng khí, nhu cầu dinh dưỡng, hóa chất do thao tác vận hành xử lý không đúng cách hoặc quá tải trong việc tiếp nhận nước thải; đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình đã được hướng dẫn; lấy mẫu và phân tích chất lượng mẫu nước sau xử lý nhằm đánh giá hiệu quả hoạt động của công trình xử lý.

- Đối với sự cố nước thải đầu ra không đạt quy chuẩn cho phép trước khi thải ra môi trường: Chủ dự án sẽ không xả thải ra sông Sài Gòn bằng cách điều khiển decanter để ngừng thu nước, mở van xả nước từ bể ASBR quay về nhà đầu vào, đồng thời xả nước từ nhà đầu vào ra hồ sự cố bằng hệ thống ống HDPE đường kính 500mm lắp đặt cố định; tiến hành tìm hiểu nguyên nhân, khắc phục sự cố. Sau khi sự cố được khắc phục, bơm nước thải từ hồ sự cố về công trình xử lý nước thải để xử lý đạt quy chuẩn trước khi xả thải ra sông Sài Gòn.

- Đối với sự cố buộc phải dừng toàn bộ công trình xử lý nước thải, sự cố khắc phục dài hơn 4,5 tiếng, hồ sự cố 7.000m<sup>3</sup> đã đầy, không còn khả năng lưu chứa hoặc khi công trình xử lý nước thải gặp sự cố không thể vận hành, thực hiện lưu chứa nước thải trong các hạng mục của hệ thống và trong các tuyến cống nhánh (*lượng lưu chứa khoảng 104.379 m<sup>3</sup>*). Sau khi khắc phục xong các sự cố, Nhà máy sẽ khởi động lại các hạng mục và tiếp nhận nước thải, khi công trình xử lý nước thải đảm bảo hoạt động ổn định, tiến hành bơm lần lượt nước thải từ hồ sự cố về nhà đầu vào để tiếp tục quá trình xử lý nước thải.

- Báo ngay cho cơ quan có chức năng về môi trường các sự cố để được hỗ trợ về kỹ thuật và có biện pháp khắc phục kịp thời trong trường hợp quá khả năng ứng phó.

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:**

### **2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:**



Theo quy định tại Điều 46 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và điểm b Khoản 6 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022, thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm: 03 tháng (*từ tháng 3 năm 2024 đến tháng 6 năm 2024*).

## **2.2. Công trình, thiết bị xử nước thải phải vận hành thử nghiệm:**

### **2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 02 vị trí**

- 01 vị trí tại bể tiếp nhận nước thải đầu vào của công trình xử lý nước thải. Tọa độ: X (m) = 1210893; Y (m) = 598838 (*Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực  $105^{\circ}45'$ , múi chiếu  $3^{\circ}$* ).

- 01 vị trí sau bể khử trùng của công trình xử lý nước thải. Tọa độ: X (m) = 1210817; Y(m) = 598608 (*Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực  $105^{\circ}45'$ , múi chiếu  $3^{\circ}$* ).

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: theo nội dung mục 2.3.3 phần A Phụ lục này.

## **2.3. Tần suất lấy mẫu** (Trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý nước thải)

- Thời gian đánh giá: 3 ngày liên tiếp sau giai đoạn điều chỉnh (*giai đoạn hiệu chỉnh do Chủ dự án tự xem xét trong quá trình vận hành thử nghiệm của công trình xử lý nước thải*).

- Loại mẫu: mẫu đơn.

- Tần suất quan trắc: 1 ngày/lần (*đo đạc, lấy và phân tích mẫu đơn đối với 01 mẫu nước thải đầu vào tại bể tiếp nhận nước thải đầu vào của công trình xử lý nước thải và 03 mẫu nước thải sau bể khử trùng của công trình xử lý nước thải*).

## **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

3.1. Hoàn thành việc lắp đặt bổ sung hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục đối với thông số lưu lượng (*đầu vào*), nhiệt độ, amoni theo quy định và kết nối, truyền số liệu về Sở Tài nguyên và Môi trường để theo dõi, giám sát chậm nhất đến ngày 31 tháng 12 năm 2024. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được truyền dẫn thường xuyên, ổn định dữ liệu, số liệu quan trắc về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương. Thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được thử nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng. Việc kết nối, truyền số liệu quan trắc nước thải tự động, liên tục được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được kiểm soát chất lượng định kỳ 01 lần/năm theo quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT. Trường hợp hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục đã đáp ứng các yêu cầu theo quy định, Công ty được miễn trách nhiệm quan trắc định kỳ nước thải đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2024; sau thời gian này, chỉ được miễn thực hiện quan trắc nước thải công nghiệp định kỳ đối với các thông số đã được quan trắc tự động, liên tục.

3.2. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này trước



khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.4. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc nước thải, phân định chất thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

3.5. Bảo đảm bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải. Việc vận hành công trình xử lý nước thải tập trung phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các thông tin liên quan: lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh; nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ tối thiểu 02 năm.

3.6. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục, không được phép xả nước thải chưa được xử lý đạt quy chuẩn quy định ra môi trường.





**Phụ lục 2**

**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 21.../GPMT-STNMT ngày 15 tháng 3... năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:**

**1. Nguồn phát sinh khí thải:** Khí thải (*mùi hôi*) phát sinh từ ngăn đầu vào, hầm bơm, bể lắng cát thổi khí, bể nén bùn, bể chứa bùn của công trình xử lý nước thải.

**2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:**

**2.1. Vị trí xả khí thải:** Tại ống xả thải của công trình xử lý khí thải (*mùi hôi*) phát sinh từ công trình xử lý nước thải. Tọa độ vị trí xả khí thải: X(m) = 1210835; Y(m) = 598822 (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực  $105^{\circ}45'$ , múi chiều  $3^{\circ}$ ).

**2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:** 30.000 m<sup>3</sup>/giờ.

**2.2.1. Phương thức xả khí thải:** Liên tục (24 giờ/ngày).

**2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với bụi, khí thải (QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và chất vô cơ, cột B,  $K_p = 0,9$ ;  $K_v = 0,6$  và QCVN 20:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ), cụ thể như sau:**

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Clo	mg/Nm <sup>3</sup>	5,4	Không thuộc đối tượng quan trắc khí thải định kỳ theo khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP	Không thuộc đối tượng quan trắc khí thải định kỳ theo khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
2	Amoniac và các hợp chất amoni	mg/Nm <sup>3</sup>	27		
3	H <sub>2</sub> S	mg/Nm <sup>3</sup>	4,05		
4	CH <sub>3</sub> SH	mg/Nm <sup>3</sup>	15		

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:**

**1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:**

**1.1. Mạng lưới thu gom khí thải về công trình xử lý khí thải:**

Khí thải (*mùi hôi*) phát sinh từ ngăn đầu vào, hầm bơm, bể lắng cát thổi khí, bể nén bùn, bể chứa bùn của công trình xử lý nước thải được thu gom bằng quạt hút (*công suất 30.000m<sup>3</sup>/giờ*) qua các đường ống thu gom HDPE D315mm-D900mm về công trình xử lý khí thải (*mùi hôi*).



### 1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải (*mùi hôi*) => Hệ thống ống dẫn (HDPE D315mm-D900mm) => Quạt hút (*lưu lượng 30.000m<sup>3</sup>/giờ*) => Bồn xử lý hóa học 1 (*dung dịch H<sub>2</sub>SO<sub>4</sub>*) => Bồn xử lý hóa học 2 (*dung dịch NaOH và NaOCl*) => Ống phát thải (*Ống FRP đường kính 1.000mm, chiều cao 33m*).

- Hóa chất sử dụng: H<sub>2</sub>SO<sub>4</sub>, NaOH và NaOCl với tổng khối lượng 0,6kg/ngày, tần suất thải bỏ khoảng 04 lần/tháng đối với NaOH và NaOCl, 05 lần/tháng đối với H<sub>2</sub>SO<sub>4</sub>.

### 1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Trong quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải (*mùi hôi*), nếu khí thải (*mùi hôi*) sau xử lý không đáp ứng quy chuẩn cho phép xả thải thì Ban quản lý chuyên ngành nước thải tỉnh Bình Dương phải có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, cụ thể như sau:

+ Rà soát các công trình, thiết bị xử lý khí thải, quy trình vận hành công trình xử lý khí thải (*mùi hôi*) để xác định nguyên nhân gây ô nhiễm và đưa ra giải pháp khắc phục; cải tạo, nâng cấp, xây dựng bổ sung (nếu có) các công trình xử lý khí thải (*mùi hôi*) để đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định;

+ Trường hợp gây ra sự cố môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường, chủ dự án đầu tư phải dừng ngay hoạt động vận hành thử nghiệm và báo cáo kịp thời tới cơ quan cấp giấy phép môi trường để được hướng dẫn giải quyết; chịu trách nhiệm khắc phục sự cố môi trường, bồi thường thiệt hại và bị xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật;

+ Lập kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý khí thải (*mùi hôi*) hoặc từng hạng mục công trình xử lý khí thải (*mùi hôi*) không đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường về khí thải (*mùi hôi*) để vận hành lại. Trình tự, thủ tục, thời gian vận hành thử nghiệm lại công trình xử lý khí thải (*mùi hôi*) được thực hiện như vận hành thử nghiệm lần đầu.

- Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng hệ thống xử lý khí thải.

- Thường xuyên kiểm tra và bảo trì, bảo dưỡng định kỳ các thiết bị xử lý khí thải, dự phòng thiết bị thay thế khi các thiết bị xử lý khí thải hỏng hóc.

- Trường hợp công trình, thiết bị xử lý khí thải gặp sự cố, phải thay thế, sửa chữa kịp thời hoặc trường hợp sự cố kéo dài sẽ báo cáo người có thẩm quyền để kiểm tra, khắc phục.

## 2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Cùng với thời gian vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải: 03 tháng (*từ tháng 3 năm 2024 đến tháng 6 năm 2024*).

### 2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm:

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: X(m) = 1210835; Y(m) = 598822 (*Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°45', múi chiều 3°*).

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: theo nội dung mục



2.2.2 phần A Phụ lục này.

### **2.3. Tần suất lấy mẫu:**

- Thời gian đánh giá trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý khí thải (mùi hôi) phát sinh từ công trình xử lý nước thải: 03 ngày liên tiếp.

- Loại mẫu: mẫu đơn.

- Tần suất quan trắc: 1 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu đơn đối với 01 mẫu tại ống xả thải của công trình xử lý khí thải (mùi hôi) phát sinh từ công trình xử lý nước thải).

### **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Điểm quan trắc khí thải đảm bảo theo đúng quy định tại khoản 2 Điều 9 Quy định Bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 22/2022/QĐ-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

3.4. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc khí thải, phân định chất thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải.

3.5. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả công trình thu gom, xử lý khí thải. Việc vận hành công trình xử lý khí thải phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các thông tin liên quan; nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ tối thiểu 02 năm.

3.6. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu của quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.2.2 Phần A phụ lục này và ngừng ngay việc xả khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục, không được phép xả khí thải chưa được xử lý đạt quy chuẩn quy định ra môi trường.

3.7. Thực hiện các biện pháp kiểm soát nhằm giảm thiểu khí thải từ hoạt động thu gom, lưu giữ rác.



**Phụ lục 3****BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG  
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 27./GPMT-STNMT ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:****1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: Khu vực máy thổi khí
- Nguồn số 02: Khu vực máy ép bùn
- Nguồn số 03: Khu vực máy bơm bùn
- Nguồn số 04: Khu vực trạm bơm nước nhà đầu vào
- Nguồn số 05: Khu vực máy phát điện số 01, công suất 1.000KVA.
- Nguồn số 06: Khu vực máy phát điện số 02, công suất 750KVA.

**2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: tọa độ: X= 1210915; Y= 598792
- Nguồn số 02: tọa độ: X= 1210842; Y= 598817
- Nguồn số 03: tọa độ: X=1210846; Y= 598765
- Nguồn số 04: tọa độ: X=1210903; Y= 598825
- Nguồn số 05: tọa độ: X=1210927; Y=598813
- Nguồn số 06: tọa độ: X=1210967; Y= 598676

(Theo hệ tọa độ VN 2.000, kinh tuyến trực  $105^{\circ}45'$ , múi chiếu  $3^{\circ}$ )

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

**3.1. Tiếng ồn:**

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ(dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

**3.2. Độ rung:**

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
----	---	-------------------------------	---------



	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:**

### **1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn.

- Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung: Đối với máy móc thiết bị được lắp đặt đệm cao su để giảm ồn và rung, không tiếp xúc trực tiếp với chân đế bằng bê tông và đặt trong khu vực cách âm, từ đó giảm thiểu độ rung khi hoạt động. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay thế dầu bôi trơn.

### **2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.





## Phụ lục 4

**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA  
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 27.../GPMT-STNMT ngày 15 tháng 3 năm  
2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)*

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI****1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:****1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:**

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại	Trạng thái tồn tại	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	NH	Rắn	24
2	Các thiết bị điện, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện có các linh kiện điện tử	16 01 13	NH	Rắn	20
3	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác	17 02 04	NH	Lỏng	290
4	Bao bì mềm thải (đã chứa chất khi thải ra là CTNH)	18 01 01	KS	Rắn	720
5	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu, chưa nêu tại các mã khác, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	KS	Rắn	120
6	Hóa chất và hỗn hợp hóa chất phòng thí nghiệm thải có các thành phần nguy hại	19 05 02	KS	Rắn/Lỏng	360
7	Pin, ắc quy chì thải	19 06 01	NH	Rắn	12
	<b>Tổng khối lượng</b>	-	-	-	<b>1.546</b>



**1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn thông thường phát sinh:**

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/ngày)
1	Bao bì hư hỏng không dính thành phần nguy hại	18 01 11	0,4
2	Bùn thải từ quá trình xử lý nước thải	12 06 10	24.000
3	Hỗn hợp dầu mỡ thải và chất béo (dầu ăn, mỡ động vật) từ quá trình phân tách dầu/nước	12 06 11	2.112
4	Bùn thải từ quá trình nạo vét cống, hố ga trong nhà máy	11 05 06	5,6
<b>TỔNG KHỐI LƯỢNG</b>			<b>26.118</b>

**1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:**

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân viên tại nhà máy, bao gồm: chất thải thực phẩm (*rau quả, thực phẩm thừa*), chất thải có khả năng tái sử dụng và tái chế (*bao nylon, vỏ lon, thủy tinh...*), chất thải phải xử lý với khối lượng khoảng 92kg/ngày.

**2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại:****2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:**

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Trang bị 03 thùng 240 lít, 03 thùng 120 lít và 01 thùng 15lít bằng nhựa HDPE có nắp đậy, dán nhãn, mã chất thải nguy hại để lưu chứa từng loại chất thải nguy hại.

**2.1.2. Kho lưu chứa:**

- 01 kho lưu chứa chất thải nguy hại diện tích: 12,4m<sup>2</sup>.

- Thiết kế, cấu tạo của kho: Vách tường bao xung quanh; nền sàn bằng bê tông chống thấm, lát gạch, đảm bảo kín mít, không bị thấm thấu; có nền cao hơn mặt bằng xung quanh, đảm bảo ngăn nước mưa chảy tràn bên ngoài vào; đảm bảo không chảy tràn chất thải lỏng ra bên ngoài khi có sự cố rò rỉ, đổ tràn; nhà chứa chất thải nguy hại phải có cửa và ổ khóa, bên ngoài dán biển cảnh báo chất thải nguy hại theo đúng quy định (*kích thước mỗi chiều khoảng 30cm*); trang bị đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (*như cát khô hoặc mùn cưa*);...theo quy định.

**2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường:****2.2.1. Thiết bị lưu chứa chất thải:**

- Trang bị 01 thùng 660 lít bằng nhựa HDPE có nắp đậy và dán nhãn thông tin chứa bao bì thải; 06 thùng 660 lít bằng nhựa HDPE có nắp đậy và dán nhãn thông tin chứa hỗn hợp dầu mỡ thải và chất béo.



- Trang bị 03 container (kích thước: Rộng 2,32m, dài 5,56m, cao 2,11m) tải trọng 10.000kg bằng thép chứa bùn thải (Bùn thải => Bể cô đặc bùn => Bể lưu bùn, tách nước => Thiết bị vắt ly tâm => Bùn thải dạng rắn (độ ẩm khoảng 70 – 80%) => Chuyển giao đơn vị có chức năng thu gom, xử lý).

#### 2.2.2. Kho lưu chứa:

- 01 kho lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường diện tích 12,4 m<sup>2</sup>.
- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: có cấu tạo móng, cột, đà kiềng bằng bê tông cốt thép; tường xây gạch; có mái che kín; nền đổ bê tông chống thấm; tầng cao: 01 tầng, cao 5m.

#### 2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

Trang bị 04 thùng nhựa HDPE 50 lít, 06 thùng nhựa HDPE 240 lít và 03 thùng nhựa HDPE 660 lít đặt tại khu vực văn phòng, nhà ăn và cổng ra vào nhà máy để lưu chứa chất thải thực phẩm chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế chất thải rắn sinh hoạt phải xử lý.

#### 2.4. Yêu cầu bảo vệ môi trường chung đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại:

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định.

- Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Điều 33, 34, 36, 37 Thông tư 02/2022/TT-BTNMT.

### B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường của dự án đầu tư theo quy định tại Khoản 4 Điều 124 của Luật Bảo vệ môi trường 2020 và có trách nhiệm công khai kế hoạch ứng phó sự cố môi trường của dự án đầu tư; gửi kế hoạch ứng phó sự cố môi trường tới Ủy ban nhân dân phường Phú Thọ và Ban chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn thành phố Thủ Dầu Một theo quy định tại Khoản 3 Điều 110 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ; đồng thời, có trách nhiệm thông báo cho Ủy ban nhân dân phường Phú Thọ về nguy cơ sự cố môi trường và biện pháp ứng phó sự cố môi trường để thông tin cho tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư xung quanh theo quy định tại Khoản 2 Điều 129 của Luật Bảo vệ môi trường.

4. Có trách nhiệm tổ chức ứng phó sự cố môi trường trong phạm vi dự án đầu tư; trường hợp vượt quá khả năng ứng phó, phải kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân phường Phú Thọ nơi xảy ra sự cố và Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn thành phố Thủ Dầu Một để phối hợp ứng phó theo quy định tại điểm a Khoản 4 Điều 125 của Luật Bảo vệ môi trường.



## Phụ lục 5

### CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 27/GPMT-STNMT ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

1. Tuân thủ Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Quyết định số 22/2023/QĐ-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ban hành Quy định bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Dương.
2. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo cơ quan cấp giấy phép xem xét, giải quyết.
3. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
4. Tuân thủ các quy định về an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp; an toàn lao động phòng chống cháy nổ và các quy phạm kỹ thuật, quy định khác có liên quan; bố trí nhân sự thực hiện công tác quản lý và bảo vệ môi trường trong quá trình thực hiện dự án.
5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai Giấy phép môi trường, thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.
6. Thực hiện chương trình quản lý, giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường theo nội dung được cấp giấy phép, số liệu giám sát phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra.
7. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.
8. Cung cấp các thông tin có liên quan theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong quá trình kiểm tra, thanh tra.
9. Thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.